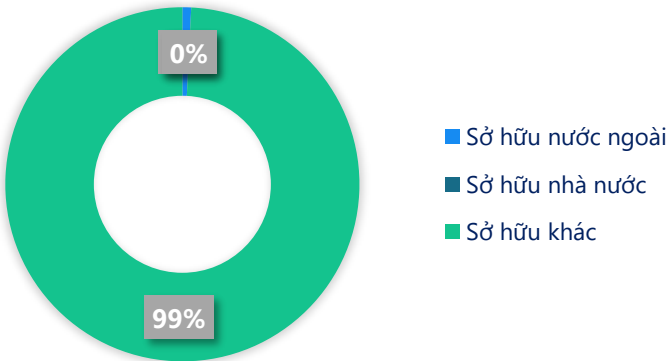


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		500
SL cổ phiếu LH		51,599,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)		47,370
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		31
P/E		-0.5
EPS		-1,130

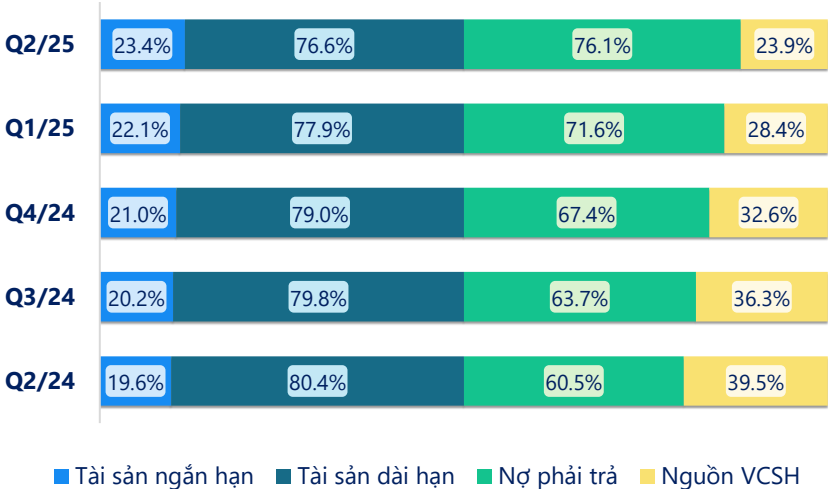
	YTD	1T	3T	6T
HKB	0.0%	0.0%	20.0%	0.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu sở hữu



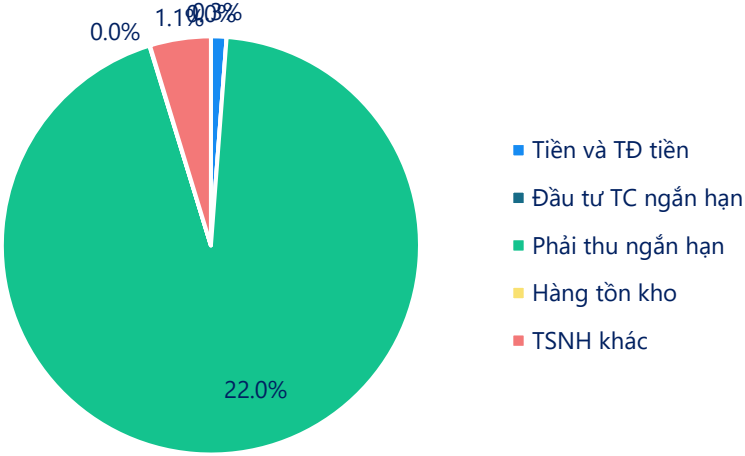
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

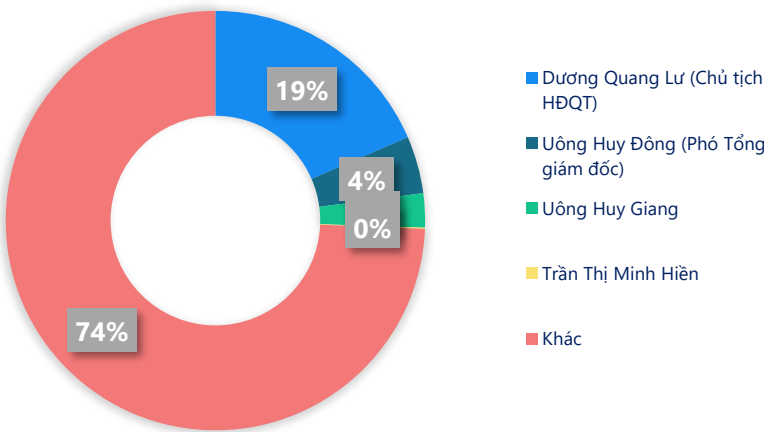
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q2/25

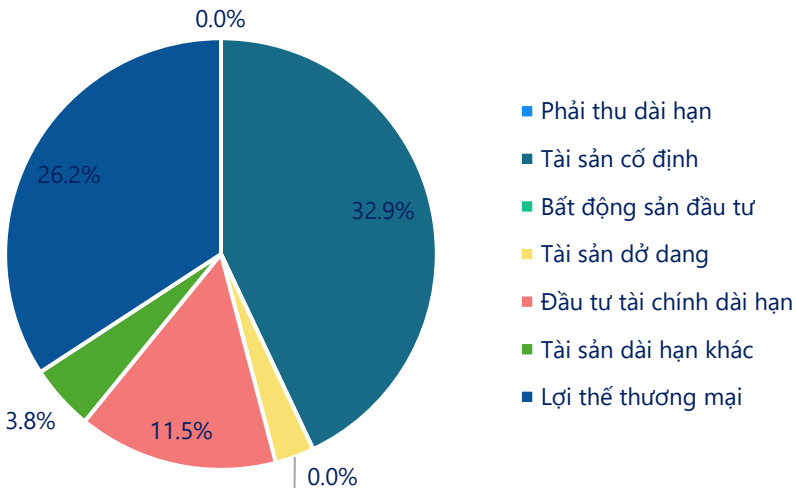
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



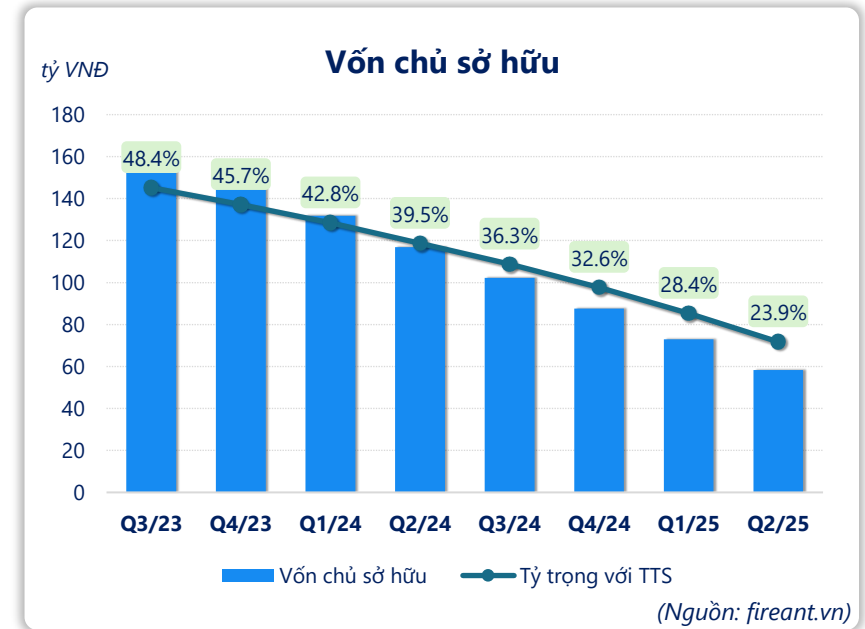
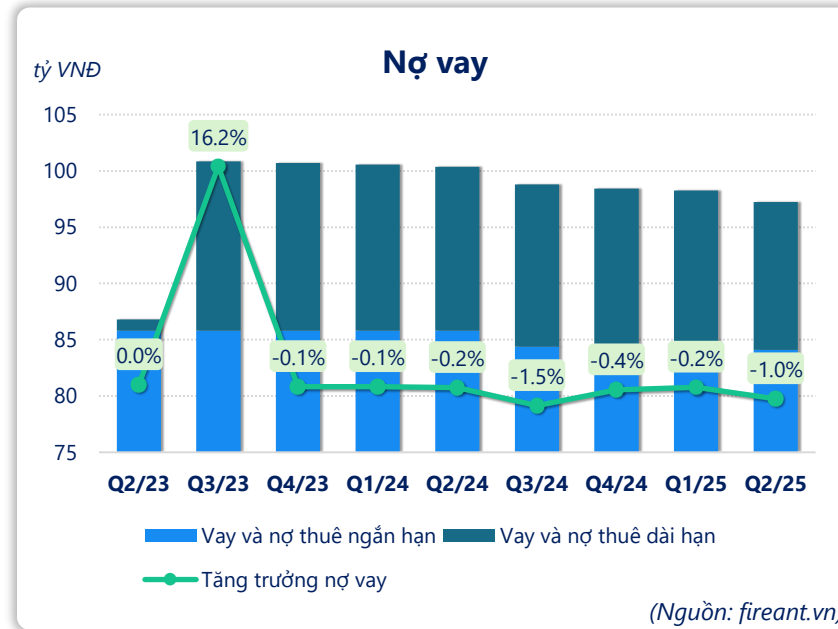
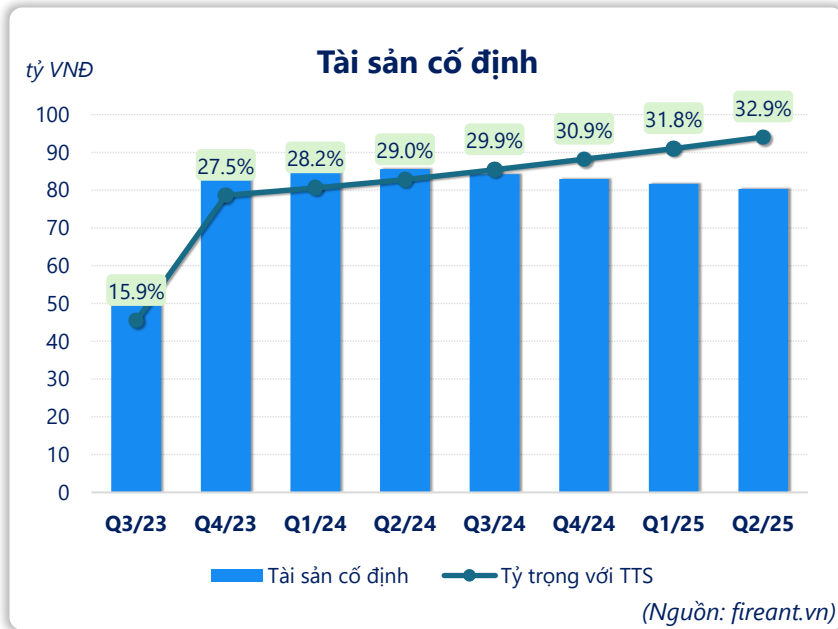
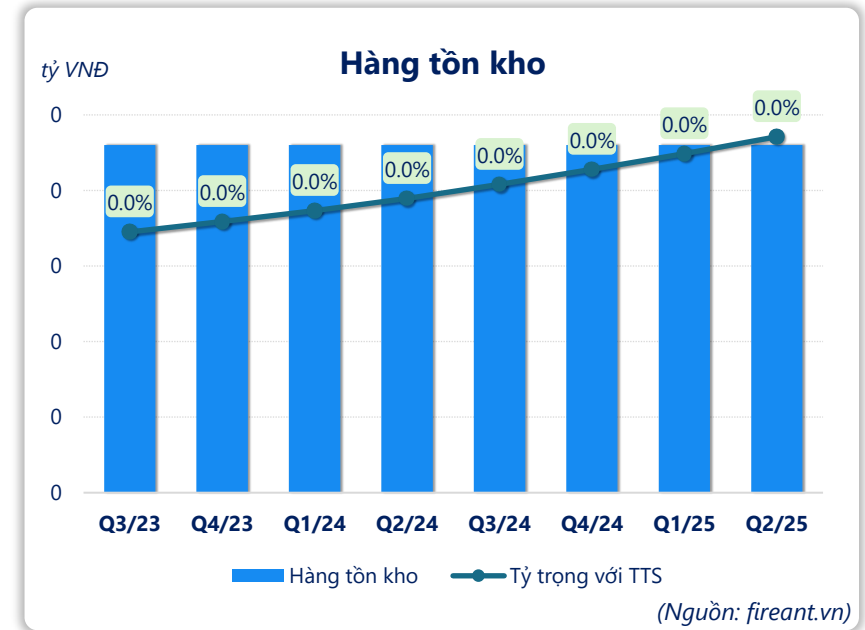
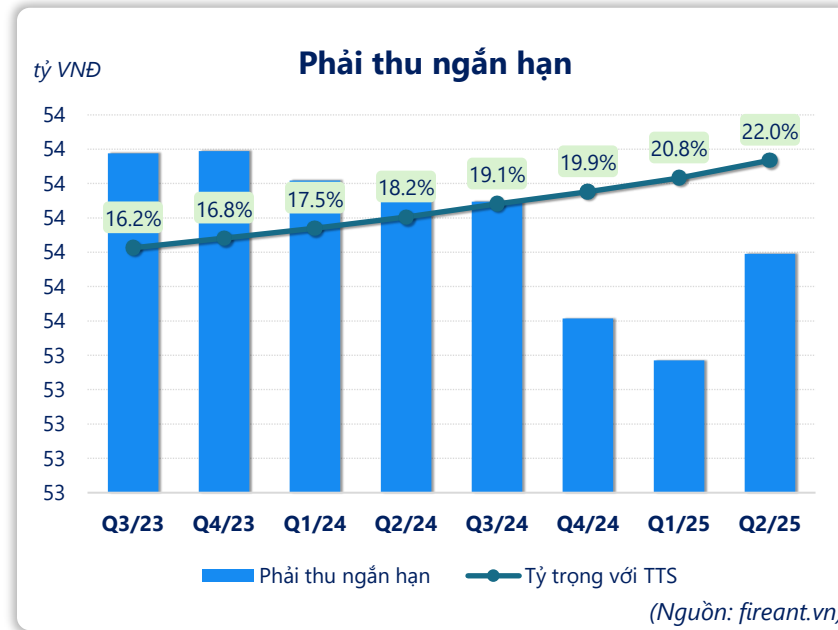
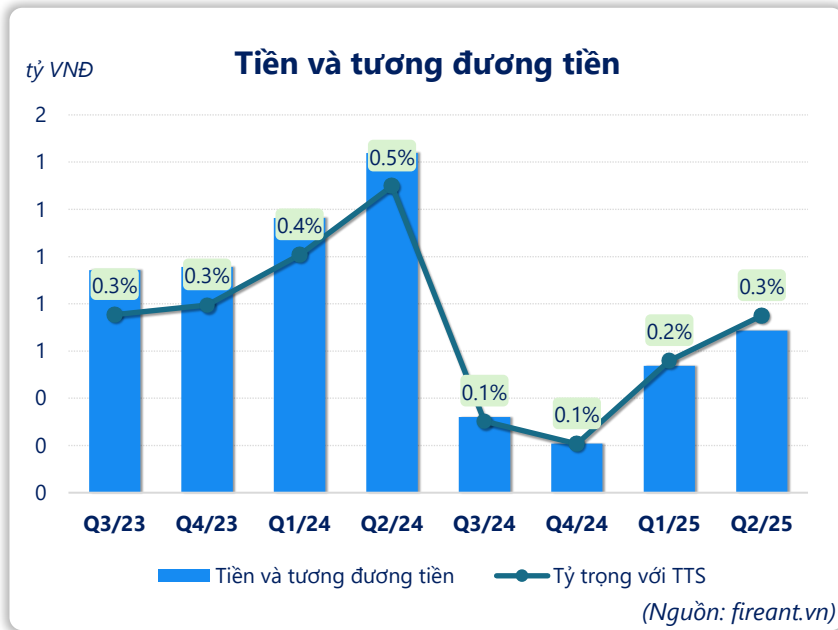
(Nguồn: fireant.vn)

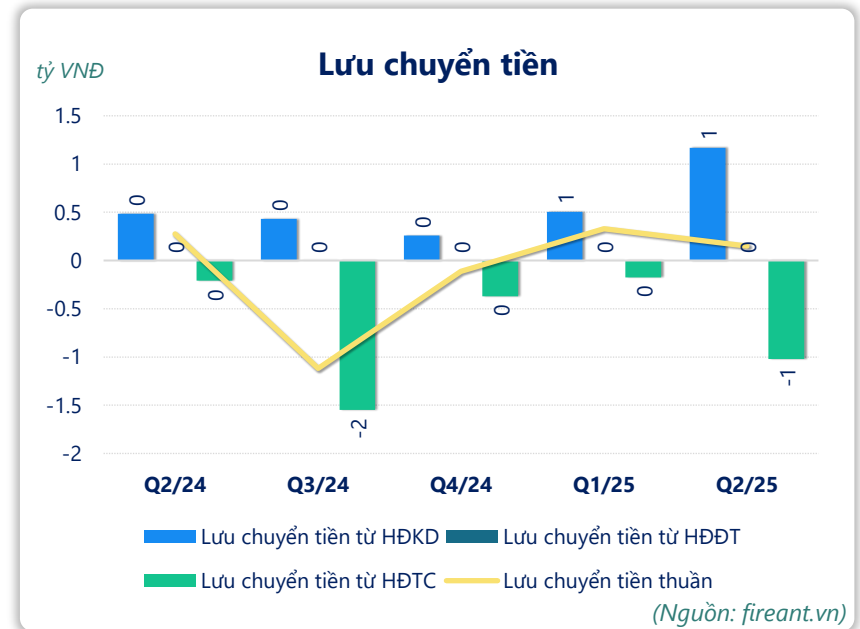
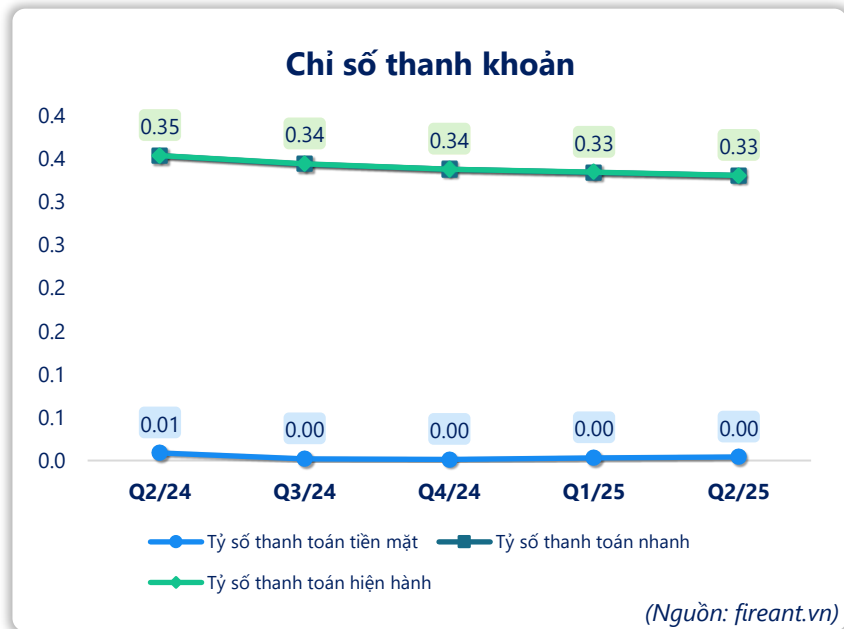
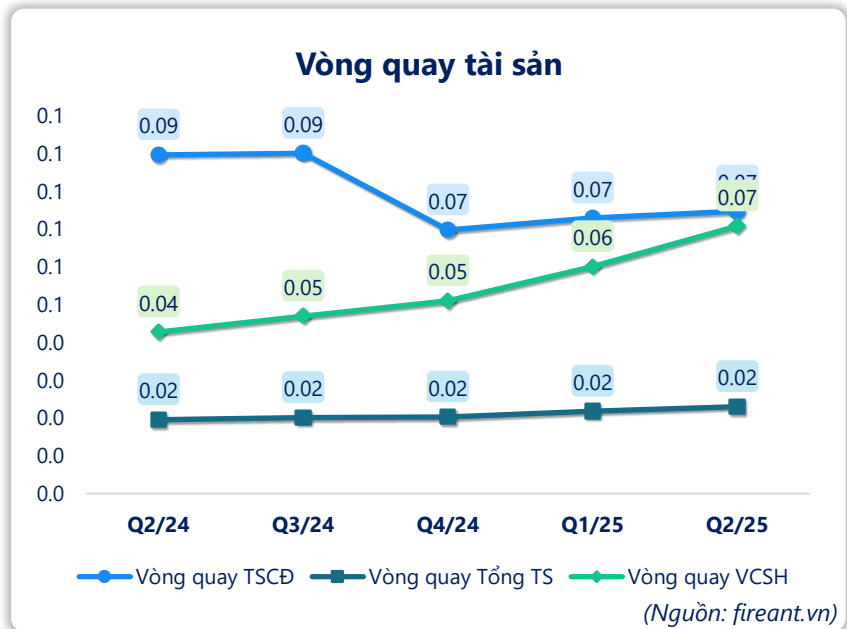
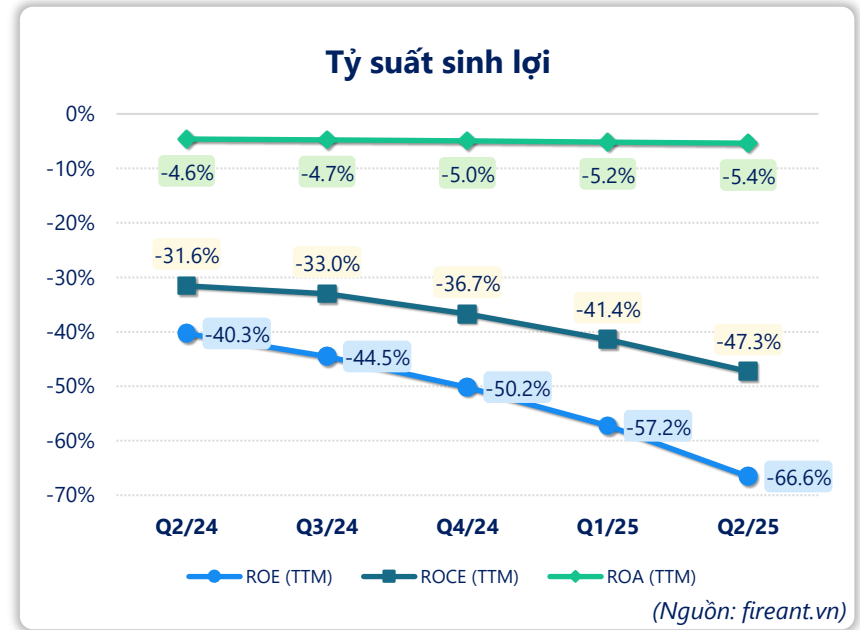
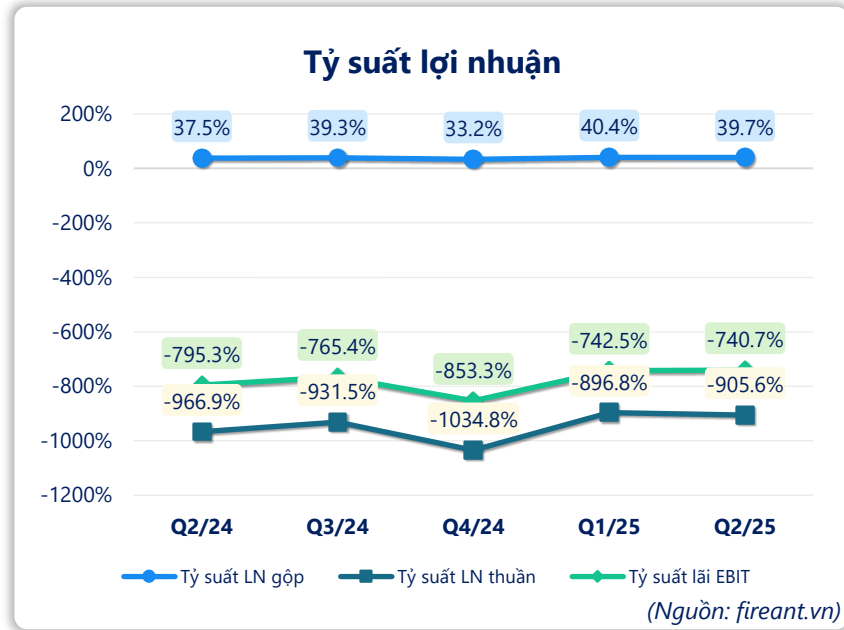
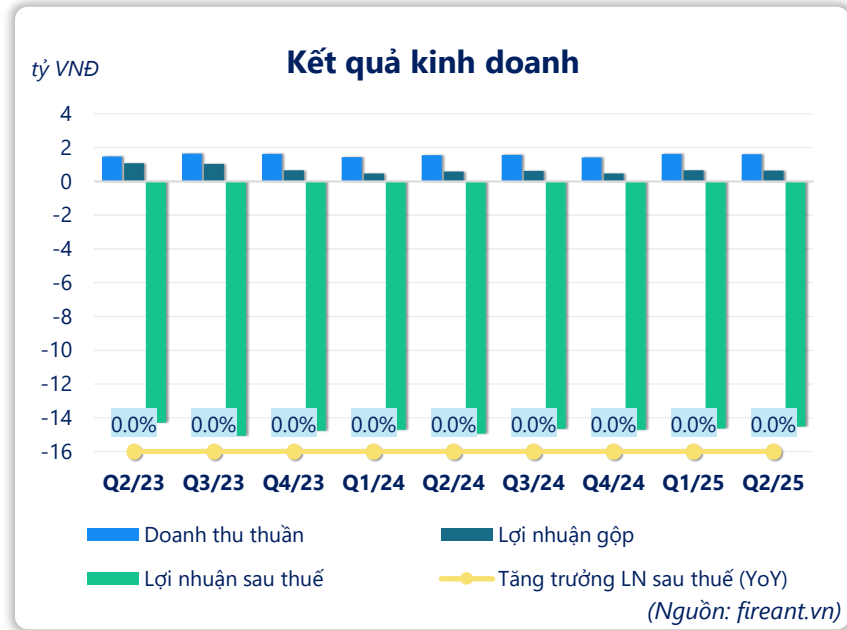
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q2/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	244	269	-9.2%
Tài sản ngắn hạn	57.1	56.4	1.2%
Tiền và tương đương tiền	0.69	0.21	229%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	53.7	53.5	0.4%
Hàng tồn kho	0.02	0.02	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.69	2.69	0.2%
Tài sản dài hạn	187	212	-11.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	80.4	82.9	-3.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.49	5.36	2.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	28.0	28.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	9.17	9.46	-3.1%
Lợi thế thương mại	64.0	86.6	-26.1%
Nợ phải trả	186	181	2.5%
Nợ ngắn hạn	173	167	3.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	84.1	84.1	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.3	15.4	-0.4%
Nợ dài hạn	13.1	14.3	-8.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	13.1	14.3	-8.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	58.4	87.5	-33.3%
Vốn chủ sở hữu	58.4	87.5	-33.3%
Vốn điều lệ	516	516	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1.54	1.57	1.41	1.62	1.60
Giá vốn hàng bán	0.96	0.95	0.94	0.97	0.97
Lợi nhuận gộp	0.58	0.62	0.47	0.65	0.64
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	2.67	2.65	2.63	2.59	2.65
Chi phí lãi vay	2.67	2.65	2.63	2.59	2.65
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	12.8	12.6	12.5	12.6	12.5
LN thuần từ HĐKD	-14.9	-14.6	-14.6	-14.5	-14.5
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.05	-0.06	-0.09	-0.01
LN trước thuế	-14.9	-14.6	-14.7	-14.6	-14.5
Lợi nhuận sau thuế	-14.9	-14.6	-14.7	-14.6	-14.5
LNST của CĐ cty mẹ	-14.8	-14.6	-14.6	-14.6	-14.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.49	0.43	0.26	0.50	1.17
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.21	-1.55	-0.37	-0.18	-1.02
Tiền đầu kỳ	1.16	1.44	0.32	0.21	0.54
Lưu chuyển tiền thuần	0.28	-1.12	-0.11	0.33	0.15
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	1.44	0.32	0.21	0.54	0.69

(Nguồn: fireant.vn)